**Biểu B2.2b-ĐGDA**

25/2023/TT-BKHCN

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…….., ngày … tháng … năm 20 …* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM THUỘC**

**CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên ủy viên hội đồng:**

|  |
| --- |
| **1. Tên dự án:** |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì**  *Tên tổ chức:*  *Họ và tên cá nhân:* |

**3. Đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án** *[Mục 13]* |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ và sự phù hợp của công nghệ với mục tiêu, nội dung của Chương trình. | 1 |
| - Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án | 1 |
| **3.2. Nội dung và phương án thực hiện dự án** *[Mục 16, 17]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| - Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng. | 1 |
| - Tính hợp lý các nội dung, công việc cần triển khai thực hiện. | 2 |
| - Tính khả thi của phương án thực hiện. | 2 |
| **3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ** *[Mục 14]* |  | | | | |  |  |  | 12 |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. | 1 |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. | 2 |
| **3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả dự kiến của dự án** *[Mục 14.5, 21]* |  | | | | |  |  |  | 12 |
| - Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án. | 1 |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. | 1 |
| - Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng | 1 |
| **3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ** *[Mục14.2, 19]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Sản phẩm phù hợp với khung chương trình |  | | | | | 2 |
| - Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực hoặc quốc tế |  | | | | | 2 |
| **3.6. Phương án tài chính** *[Mục 17.3, 20 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện. | 2 |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết. | 2 |
| **3.7. Năng lực thực hiện** *[Mục 9, 10, 11, 12, 17.1 và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính. | 2 |
| - Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính. | 2 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

*(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)*

**3.8. Đánh giá về nhân lực thực hiện dự án**

Nhân lực thực hiện dự án do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

Nhân lực thực hiện dự án do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

**3.9. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án**

Tổng mức kinh phído tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

**Kiến nghị của chuyên gia/ủy viên hội đồng:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng*  *1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***Nhận xét, kiến nghị:***

……………………………………………………………………………………………...

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………...

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………...

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

*Ngày ….. tháng ….. năm 20…*

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*